

LỊCH THỰC HIỆN NGOẠI KIỂM QUÝ II - 2025

STT	Chương trình Trung tâm	Chu kỳ	Mẫu/đợt	Ngày gửi mẫu dự kiến	Hạn nhận kết quả từ Đơn vị	Ngày ban hành báo cáo phân tích (dự kiến)	Mẫu/đợt	Ngày gửi mẫu dự kiến	Hạn nhận kết quả từ Đơn vị	Ngày ban hành báo cáo phân tích (dự kiến)	Mẫu/đợt	Ngày gửi mẫu dự kiến	Hạn nhận kết quả từ Đơn vị	Ngày ban hành báo cáo phân tích (dự kiến)
HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU														
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	5					2	21-23/04	08/05	28-30/05				
2	Truyền máu toàn diện	8									2	26-28/05	12/06	02-04/07
3	Truyền máu cơ bản	8									2	26-28/05	12/06	02-04/07
4	Định nhóm máu	10									2	26-28/05	12/06	02-04/07
5	Phết máu ngoại biên	9					2	12-14/05	29/05	18-20/06				
HÓA SINH														
1	Hóa sinh	5	2	10-12/02	17/04	11/05					3	10-12/02	05/06	29/06
2	HbA1c	7					2	05-07/05	22/05	15/06				
3	Tổng phân tích nước tiểu	7					3	05-07/05	22/05	30/05				
VI SINH - KỸ SINH TRÙNG														
1	Vi sinh lâm sàng	10									2	09-11/06	26/06	23/07
2	Vi khuẩn nhuộm soi	6									2	09-11/06	26/06	23/07
3	Phết máu tìm KST sốt rét	8												
4	Soi phân tìm KST đường ruột	8					2	03-05/03	08/05	28/05				
HUYẾT THANH HỌC														
1	Huyết thanh học Ký sinh trùng	8					2	21-24/04	08/05	30/05				
2	Huyết thanh học Viêm gan siêu vi B và C	8									2	20-23/05	06/06	27/06
3	Huyết thanh học Helicobacter pylori	6												
4	Huyết thanh học Dengue virus	2												
SINH HỌC PHÂN TỬ														
1	Đo tải lượng HBV	10									2	09-11/06	26/06	20/07
2	Đo tải lượng HCV	10									2	09-11/06	26/06	20/07
3	Phát hiện HPV	9					1	14-16/04	01/05	25/05				
4	Xác định HPV genotype	9					1	14-16/04	01/05	25/05				
5	Phát hiện Mycobacterium tuberculosis - DNA	9					1	14-16/04	01/05	25/05				

STT	Chương trình Ngoại kiểm hợp tác Randox (*)	Chu kỳ	Mẫu/đợt	Hạn nhận kết quả từ Đơn vị	Mẫu/đợt	Hạn nhận kết quả từ Đơn vị	Mẫu/đợt	Hạn nhận kết quả từ Đơn vị
HUYẾT HỌC								
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	18	4	10/04	5	08/05	6	05/06
2	Đông máu	17	4	17/04	5	15/05	6	12/06
3	Tốc độ máu lắng	11					3-4	19/06
HÓA SINH - MIỄN DỊCH								
1	Hóa sinh	22	4	24/04	5	22/05	6	26/06
2	Dấu ấn tim mạch	5	4	03/04	5	01/05	6	29/05
3	Định lượng BNP	12	4	03/04	5	01/05	6	29/05
4	Hóa sinh Nước tiểu	66	7	03/04	9	01/05	11	29/05
			8	17/04	10	15/05	12	12/06
			7	03/04	9	01/05	11	29/05
5	Bộ mỡ	52	8	17/04	10	15/05	12	12/06
6	Khí máu	17	4	10/04	5	08/05	6	05/06
7	Miễn dịch đặc hiệu I	15	4	10/04	5	08/05	6	05/06
8	HbA1c	20	4	17/04	5	15/05	6	12/06
9	Protein đặc hiệu hàng tháng	6	1	03/04				
10	Protein đặc hiệu hàng tháng	6	2	17/04	3	15/05	4	12/06
11	Sàng lọc trước sinh	17	4	17/04	5	15/05	6	12/06
12	Dịch não tủy	10	1	27/03				
13	Dịch não tủy	10	2	17/04	3	15/05	4	12/06
14	Tổng phân tích nước tiểu	17			3	22/05		
15	Ammonia/Ethanol	11	8	24/04	9	22/05	10	19/06
16	Miễn dịch	23	4	24/04	5	22/05	6	26/06
17	Anti TSH Receptor	10	2	24/04	3	22/05	4	19/06
18	Cyfra 21.1	10	2	24/04	3	22/05	4	19/06
19	Billirubin trẻ sơ sinh	4	10	10/04	11	08/05	12	05/06
20	Cytokines	4	7	10/04	8	15/05	9	05/06
21	Ức chế miễn dịch	1	2	17/04	3	15/05	4	12/06
22	Định lượng AMH	3	4	17/04	5	15/05	6	12/06
23	Xét nghiệm nhanh đường huyết và keton						1	20/06
24	Chỉ số huyết thanh	Bắt đầu từ tháng 10/2025						
HUYẾT THANH HỌC - VI SINH								
1	Giang mai	13	10	03/04	11	01/05	12	29/05
2	EBV	13	10	03/04	11	01/05	12	29/05
3	HIV và Viêm gan	13	19+20	03/04	21+22	01/05	23+24	29/05
4	ToRCH	13	19+20	03/04	21+22	01/05	23+24	29/05
5	Vi sinh	3			6	22/05		

STT	Chương trình Ngoại kiểm hợp tác Bào Rad (***)	Chu kỳ	Mẫu/đợt	Hạn nhận kết quả từ Đơn vị	Mẫu/đợt	Hạn nhận kết quả từ Đơn vị	Mẫu/đợt	Hạn nhận kết quả từ Đơn vị
HUYẾT HỌC								
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	20	1	10/04	2	08/05	3	29/05
2	Đông máu	13	1	17/04	2	15/05	3	12/06
3	Định nhóm máu	10					4-6	19/06
HÓA SINH - MIỄN DỊCH								
1	Hóa sinh	23	10	24/04	11	22/05	12	26/06
2	Hemoglobin	22	5	10/04	6	15/05	7	12/06
3	Dấu ấn tim mạch	13	1	10/04	2	15/05	3	12/06
4	Khí máu	13	3	27/03	4	01/05	5	29/05
5	Ethanol/Ammonia	13	1	24/04	2	22/05	3	26/06
6	Tổng phân tích nước tiểu	10	1	20/03				
7	Tổng phân tích nước tiểu	10	2	03/04	3	08/05	4	05/06
8	Protein đặc hiệu hàng tháng	52	3	10/04	4	08/05	5	05/06
9	Hóa sinh nước tiểu	17	5	03/04	6	08/05	7	05/06
10	Bộ mỡ máu	12	12	03/04	1	01/05	2	29/05
11	Theo dõi nồng độ thuốc trong điều trị	49	12	24/04	1	22/05	2	19/06
12	Miễn dịch	22	4	10/04	5	08/05	6	05/06
HUYẾT THANH HỌC - VI SINH								
1	ToRCH/EBV/MuMZ	10	1	27/03				
2	ToRCH/EBV/MuMZ	10	2	17/04	3	01/05	4	29/05
3	HIV và Viêm gan	10	1	03/04				
4	HIV và Viêm gan	10	2	17/04	3	15/05	4	12/06
5	Giang mai	10	1	27/03				
6	Giang mai	10	2	17/04	3	01/05	4	29/05

“(*) Báo cáo phân tích kết quả Ngoại kiểm được ban hành sau 12 ngày từ Ngày kết thúc

“(**) Báo cáo phân tích kết quả Ngoại kiểm được ban hành sau 12 ngày từ Ngày kết thúc”

Lưu ý:

Hạn cuối nhập kết quả trên eqa.qcc.edu.vn được tính đến **23:59** (GMT +7) của ngày **Hạn trả kết quả**.